TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-PT
Ngày: 10/9/2024
V/v: Y/c chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn.

Ông Đinh Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Lê Quý T3 - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2024/TLPT – DS ngày 21/5/2024 về việc "Yêu cầu chia tài sản chung" do có kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi N vụ liên quan, kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đối với bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐ - PT ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1947; Địa chỉ: Khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1964; Trú tại: Khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. *Vắng mặt tại phiên tòa*

3. Người có quyền lợi và N vụ liên quan đến vụ án

3.1 Cụ **Nguyễn Thị M.** Sinh năm 1929. Địa chỉ**:** Thôn Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền cho cụ M: Bà Lê Thị T1.

3.2 Bà **Lê Thị T1,** sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3.3. Anh **Lê Bình D**, sinh năm 1995 và chị **Lê Thị Linh L**, sinh năm 2003, (là các con của anh Lê Văn T3 đã chết); *Người đại diện theo uỷ quyền của anh D,*

chị L: bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1964. Cùng nơi cư trú: Khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3.4. Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1965; 3.5 Bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1970. Cùng cư trú: Khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Những người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án kháng cáo đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N khởi kiện ngày 30/11/2020 đề nghị Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của chồng là 32,4m^2 đất thửa số 41, tờ bản đồ 06, diện tích 64,4m^2, tại khu 3, thị trấn Mường Khến và ngôi nhà cấp 4 trên đất (Nay là khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/01/2024 bà N đã thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị phân chia tài sản là quyền sử dụng đất quá trình chung sống với chồng bà xứng đáng được hưởng.

Theo bà N khai: Bà và ông Lê Hoa K chung sống với nhau tại thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình từ 1984, không đăng ký kết hôn, không có con chung. Trước đó ông Lê Hoa K đã có vợ là Nguyễn Thị M ở quê: Ứng Hoà, Hà Tây và có 05 con chung Lê Văn Anh (Sinh năm 1961 - chết 2010. Vợ là Đặng Thị T); Lê Thị C. Sinh 1965; Lê Văn T3. (Sinh năm 1967 - chết năm 2005. Vợ là Bùi Thị L; có hai con là Lê Bình D và Lê Thị Linh L); Lê Thị T2, sinh 1969; Lê Thị T1, sinh 1973. Năm 1984 ông Lê Hoa K đã bỏ bà Nguyễn Thị M ở lại quê và lên thị trấn Mường Khến,(nay là thị trấn Mãn Đức), huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình làm ăn sinh sống và chung sống như vợ chồng với bà.

Sau khi sống chung với ông K, bà đã làm thủ tục xin cấp đất để sinh sống. Ngày 27/3/2002 được UBND huyện Tân Lạc cấp GCN QSD đất mang tên hộ ông Lê Hoa K, tại thửa đất số 41 tổng diện tích 64,4m^2, tờ bản đồ số 6 tại khu 3, thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Năm 2009, ông Lê Hoa K chết không để lại di chúc, bà T là con dâu ông K tự ý vào nhà chiếm dụng đất, xây nhà trên đất, chửi bới, đuổi bà ra khỏi nhà nên bà đã khởi kiện với các yêu cầu nêu trên.

Phía bị đơn, bà Đặng Thị T và những người có quyền lợi N vụ liên quan trong vụ án là anh Lê Bình D, chị Lê Thị Linh L, bà Lê Thị C; Lê Thị T2; Lê thị T1; bà Nguyễn Thị M không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đều cho rằng: Bà N và ông K sống với nhau không hợp pháp vì ông K có vợ hợp pháp với bà M ở quê Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội, đã có 05 con chung, chưa ly hôn. Bà N không có quyền yêu cầu chia di sản của ông K. Diện tích 64,4m^2 đất đứng tên ông K trong giấy chứng nhận quyền sử dụng ông K đã chia cho các con từ năm 1994. Trước khi ông K chết thửa đất được ông K chia làm 03 phần: Một phần

ông K và bà N ở; một phần cho vợ chồng anh T3, chị L ở và một phần cho vợ chồng anh Anh và bà Đặng Thị T ở. Cả ba phần đất đều có nhà trên đất. Anh Anh và anh T3 cũng đã chết, chỉ còn các bà vợ sống trên đất. Đề nghị không chia đất, giữ nguyên như vậy để ổn định cuộc sống. Nếu phải chia thì phải xem xét cả ngôi nhà bà N hiện đang sử dụng và đó là tài sản chung của ông K và bà N tạo lập và phải xem xét đến kỷ phần của bà Nguyễn Thị M là vợ hợp pháp của ông K.

Kết quả thẩm định (Biên bản thẩm định ngày 22/9/2022): Trên diện tích đất có 03 nhà xây cấp 4, mái bằng, xây 1990. Nhà bà N đang ở rộng 4,48m; sâu 4,23m. Nhà bà L đang ở rộng 4,38m; sâu 4,23m. Nhà bà T đang ở rộng 4,22m; sâu 4,23m.

Kết quả định giá đất, đo thực tế diện tích 65,8m^2 x 10.500.000đ/m^2 = 690.900.000đ.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xử; Quyết định: Căn cứ Điều 733, 734, 735; Điều 632, 633, 634, 645, 675, 676 BLDS năm 2005; Điều 95 Luật HNGĐ; Điều 147 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án, T2 xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chia Tài sản chung là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên hiện trạng phần nhà đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị N; Bùi Thị L và Đặng Thị T.

Chia cho bà Nguyễn Thị N được sử dụng 32,2m^2 đất tại khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

2. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Lê Hoa K để lại. Cụ thể như sau:

Chia cho các bà Đặng Thị T hưởng kỷ phần của Lê Văn Anh 6,44m^2 đất = 67.620.000đ.

Lê Bình D và Lê Thị Linh L với đại diện theo uỷ quyền là Bùi Thị L được hưởng kỷ phần của Lê Văn T3 là 6,44m^2 = 67.620.000đ.

Lê Thị C, Lê Thị T2, Lê Thị T1 mỗi người được hưởng kỷ phần của ông Lê Hoa K là 6,44m^2 = 67.620.000đ.

Hiện bà Nguyễn Thị N đang thiếu và Lê Bình D và Lê Linh L với đại diện theo uỷ quyền là Bùi Thị L và Đặng Thị T đang thừa nên :

Đặng Thị T có trách nhiệm hoàn trả Lê Thị C giá trị kỷ phần là: 67.620.000đ và Lê Thị T2 giá trị kỷ phần là: 43.610.000đ.

Lê Bình D và Lê Thị Linh L với đại diện theo uỷ quyền là Bùi Thị L có trách nhiệm hoàn trả bà Nguyễn Thị N giá trị tài sản được hưởng là 66.850.000đ. Hoàn trả Lê Thị T1 giá trị kỷ phần là: 67.620.000đ và có trách nhiệm hoàn trả Lê Thị T2 giá trị kỷ phần là: 24.010.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn T2 về án phí, N vụ của người phải thi hành án nếu chậm trả khoản tiền đã T2, quyền kháng cáo của các đương sự;

* Ngày 19/3/2024 bà Nguyễn Thị N kháng cáo, không đồng ý như bản án sơ thẩm đã quyết định, đất là của bà, chia cho ai là quyền của bà.

* Ngày 18/3/2024 Bà Bùi Thị L, Lê Thị T1, Lê Thị C, Lê Thị T2 kháng cáo cùng nội dung: Án sơ thẩm chưa làm rõ phần tài sản chung của ông Lê Hoa K trong ngôi nhà bà N đang ở. Không xác định việc ông K còn có vợ hợp pháp là bà Nguyễn Thị M. Chia thừa kế là quyền sử dụng đất cho các thành viên trong khi không ai yêu cầu chia thừa kế đối với mảnh đất trên mà đều có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng để ba người cùng ở trên đất. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giữ nguyên hiện trạng để ba người tiếp tục sinh sống.

* Tại quyết định số 81/QĐ - VKS- DS ngày 19/3/2024 Viện trưởng VKS nhân dân huyện Tân Lạc kháng nghị toàn bộ bản án, do có các sai phạm:

Về tố tụng: Án sơ thẩm chỉ chia đất, còn ngôi nhà cấp 4 trên đất chưa giải quyết. Những người có quyền lợi N vụ liên quan: M, L, D, L, C, T2, T1 chưa đưa vào T báo thụ lý vụ án. Các bản tự khai đều đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, không từ chối nhận di sản thừa kế. Tòa án không hướng dẫn làm đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập. Chưa được Tòa án thụ lý, các đương sự chưa nộp tạm ứng án phí mà Tòa án đã giải quyết vụ án là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Vi phạm Điều 5 luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về việc chia tài sản chung: Chưa xem xét đến công sức đóng góp, đổ đất, san nền để có thổ đất như hiện nay của con trai Lê Văn Anh, con dâu Đặng Thị T, con rể Lê Đức T2, Đặng Mạnh Lẫm mà đã xác định chia cho bà N ½ diện tích đất là ảnh hưởng đến quyền lợi của các con ông K. Diện tích đất đo thực tế là 65,8m^2 nhiều hơn so với GCNQSD là 1,4m^2 chia đều cho cả 3 người (N, T, L) là không đúng, lẽ ra phải chia cho bà N ½ thì mới đúng.

- Về việc chia di sản thừa kế: Không coi bà Mỳ là vợ hợp pháp của ông K và không cho bà M được hưởng thừa kế của ông K là không đúng pháp luật.

Chưa xem xét chia ngôi nhà của ông K, bà N tạo dựng, hiện nay bà N đang sử dụng là chưa giải quyết triệt để vụ án.

Bản án nhận định 05 người con của ông K mỗi người được hưởng thừa kế bằng tiền là 67.620.000đ, nhưng tại phần Quyết định của bản án đã T2 bà Lê Thị T2 chỉ nhận được 24.010.000đ là không đúng.

- Về chi phí tố tụng: Bà N nộp chi phí thẩm định và định giá tài sản là 8.000.000đ. Ý kiến của bà N phần chi có chứng từ hóa đơn đề nghị Tòa chia theo pháp luật, riêng tiền bồi dưỡng cho hội đồng thẩm định, định giá tôi tự nguyện chịu. Nhưng không có tài liệu trong hồ sơ là thu số tiền bao nhiêu và chi cụ thể như thế nào?

Đề nghị hủy toàn bộ bản án để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, VKSND tỉnh Hòa Bình giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm có sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng: Chỉ chia đất, chưa xem xét ngôi nhà trên đất; không hướng dẫn các con ông K làm thủ tục phản tố và đơn yêu cầu độc lập để giải quyết chia thừa kế; Việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Hoa K chưa xem xét đến kỷ phần của bà Nguyễn Thị M là vợ hợp pháp của ông K; công tôn tạo đất... Đề nghị chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án và kháng nghị của Viện trưởng VKS nhân dân huyện Tân Lạc, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

1. Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được chia quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung, diện tích đất tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn đều tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của BLTTDS 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử sơ thẩm vụ án; Ngày 18/3/2024 Bà Bùi Thị L, Lê Thị T1, Lê Thị C, Lê Thị T2 kháng cáo; Ngày 19/3/2024 bà Nguyễn Thị N kháng cáo; Ngày 19/3/2024 Viện trưởng VKS nhân dân huyện Tân Lạc kháng nghị toàn bộ bản án (Quyết định số 81/QĐ - VKS- DS). Đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị đều trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử.

2. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị được chia tài sản chung mà bà và ông Lê Hoa K tạo dựng được trong thời gian chung sống, là quyền sử dụng diện tích đất 64,4m^2 tại thửa đất số 41, tờ bản đồ 06. Địa chỉ thửa đất: khu 3, thị trấn Mường khến (nay là khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Phía bị đơn là bà Đặng Thị T và những người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án là bà Lê Thị C, Lê Thị T2, Lê Thị Tuyền, cụ Nguyễn Thị Mí, bà Bùi Thị L là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Linh L và anh Lê Bình D không

đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho rằng: bà N và ông K sống với nhau không hợp pháp vì ông K có vợ hợp pháp với bà M ở quê Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội, đã có 05 con chung, chưa ly hôn. Diện tích 64,4m^2 đất đứng tên ông K trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, ông K đã chia cho các con từ năm 1994 (Trước khi ông K chết) chia làm 03 phần: Một phần ông K và bà N ở; một phần cho vợ chồng anh Lê Văn T3, chị Bùi Thị L ở và một phần cho vợ chồng anh Lê Văn Anh và bà Đặng Thị T ở. Cả ba phần đất đều có nhà trên đất. Anh Lê Văn Anh và anh Lê Văn T3 cũng đã chết. Đề nghị không chia đất, giữ nguyên như vậy để ổn định cuộc sống. Nếu phải chia thì phải xem xét cả ngôi nhà bà N hiện đang sử dụng, đó là tài sản chung của ông K và bà N và phải xem xét đến kỷ phần của bà Nguyễn Thị M là vợ hợp pháp của ông K.

Cấp sơ thẩm xác định hôn nhân giữa ông K và bà N là hôn nhân thực tế vì ông K và bà N sống chung không có đăng ký kết hôn là đúng. Tài sản tạo dựng được trong thời K chung sống là tài sản chung, do đó được xem xét để phân chia. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm có những sai sót như sau:

- *Về quyền khởi kiện và phạm vi giải quyết:*

Bà N khởi kiện đề nghị được chia tài sản chung giữa bà và ông K là quyền sử dụng 64,4m^2 đất là đúng, tuy nhiên cấp sơ thẩm lại phân chia di sản thừa kế của ông K cho các con của ông K mà không hướng dẫn các đương sự làm thủ tục phản tố hay thụ lý bổ sung về yêu cầu chia thừa kế là giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 5 luật tố tụng dân sự;

- *Việc chia di sản thừa kế của ông K cũng không đúng, bởi lẽ:*

Thiếu người được hưởng thừa kế là bà Nguyễn Thị M là vợ ông K. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà M và ông K có năm con chung, chưa ly hôn. Theo bà N khai ông K và bà N sống chung với nhau từ khoảng năm 1984 nhưng thực tế ông K chưa ly hôn bà M, khoảng năm 1990 Nhà nước mở rộng đường costhu hồi một phần diện tích đất hanhg lang giao T, ông K và bà N được tiền đền bù, ông K đã đem 13.000.000đ về quê Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Tây để xây nhà cho bà M. Ông K không quan tâm, bỏ hẳn bà M như tình huống pháp lý tại án lệ số 41/2021 của TAND Tối cao như nhận định của bản án sơ thẩm. Do đó trường hợp chia thừa kế thì bà M phải được hưởng một kỷ phần theo quy định của Bộ luật dân sự.

Phân chia thừ kế như bản án sơ thẩm không thể thực hiện được: Tổng diện tích đất đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng là hộ ông Lê Hoa K là 64,4m^2; đo thực tế là 65,8m^2. Kết quả thẩm định, đo đạc thì diện tích đất bà N đang sử dụng trên đất có nhà là 26,3m^2; bà L và anh D, chị L đang sử dụng là 20m^2; bà Đặng Thị T là 17,5m^2; cả 03 hộ đều có diện tích đất nhỏ hơn 34m^2. Theo quy định của Luật đất đai; Quyết định số 10/2022/QĐ- UBND ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; công văn số 3889 ngày 06/9/2024 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình thì diện tích đất nêu trên không đủ điều kiện để tách thửa cho các hộ. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được về việc

cả ba hộ cùng đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó cấp sơ thẩm xử giữ nguyên hiện trạng đất của 03 hộ là không đúng quy định nêu trên.

Trong khối tài sản chung của ông K và bà N thì ngoài diện tích đất nêu trên còn có một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trong thời K chung sống, hiện bà N đang sinh sống, cấp sơ thẩm chưa xem xét định giá ngôi nhà này để chia cho các đồng thừa kế là còn thiếu sót như kháng cáo của những người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án và Kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tân Lạc.

- *Về chia tài sản chung cũng chưa đúng:*

Chưa xác định rõ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hoa K thì trong hộ gồm những thành viên nào để xác định ai được hưởng quyền đối với diện tích đất đất được cấp.

Những sai sót nêu trên không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án và đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho TAND huyện Tân Lạc xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án

[2.3] Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS –ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án

3. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N, Lê Thị C, Lê Thị T2, Lê Thị T1 và chị Lê Linh L, anh Lê Bình D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Số tiền dự phí kháng cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc đều được hoàn lại: Bà Nguyễn Thị N được hoàn lại 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000541 ngày 19/3/2024; Bà Lê Thị C được hoàn lại 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000547 ngày 25/3/2024; Bà Lê Thị T2 được hoàn lại 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000548 ngày 25/3/2024; Bà Lê Thị T1 được hoàn lại 300.000đ

theo biên lai thu tiền số 0000549 ngày 25/3/2024; Bà Bùi Thị L được hoàn lại 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000546 ngày 25/3/2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày T2 án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND H Tân Lạc;
- Chi cục THADS H Tân Lạc;
- Các Đương Sự;
- Lưu

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Thị Hồng Hoa